|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM**Trường THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN***(Đề thi có 2 trang)* | **KIỂM TRA CUỐ - NĂM HỌC 2023 - 2024MÔN: SINH HỌC 10***Thời gian làm bài: 45(không kể thời gian phát đề)* |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | **Mã đề 101** |

**I. TRẮC NGHIỆM**: 7 điểm

**Câu 1.** Hai thành phần chính cấu tạo nên màng sinh chất của tế bào nhân thực là

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** protein và nucleic acid. |  **B.** phospholipid và protein. |
|  **C.** phospholipid và carbohydrate. |  **D.** carbohydrate và phospholipid. |

**Câu 2.** Thành phần nào dưới đây có ở tế bào vi khuẩn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Ti thể. |  **B.** Lưới nội chất. |  **C.** Nhân. |  **D.** Ribosome. |

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây **không** đúng khi nói về protein?

 **A.** Đơn phân của protein là các nucleotide

 **B.** Cấu tạo nên một số loại hoocmon

 **C.** Khi cấu trúc không gian ba chiều bị phá vỡ, phân tử protein mất chức năng sinh học

 **D.** Cấu trúc bậc 2 của phân tử protein là chuỗi polipeptit ở dạng co xoắn hoặc gấp nếp

**Câu 4.** Các chất được vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao và tiêu tốn năng lượng thuộc kiểu vận chuyển nào sau đây ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Khuếch tán đơn giản. |  **B.** Vận chuyển chủ động. |
|  **C.** Vận chuyển thụ động. |  **D.** Khuếch tán tăng cường. |

**Câu 5.** Carbohydrate được chia làm mấy nhóm?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 4 |  **B.** 2 |  **C.** 1 |  **D.** 3 |

**Câu 6.** Chất O2, CO2 đi qua màng tế bào bằng phương thức nào sau đây?

 **A.** Khuếch tán qua lớp kép phospholipid.

 **B.** Nhờ kênh protein đặc biệt.

 **C.** Nhờ sự biến dạng của màng tế bào.

 **D.** Khuếch tán qua kênh protein xuyên màng.

**Câu 7.** Trình tự các giai đoạn trong con đường truyền tin trong tế bào là?

 **A.** Truyền tín hiệu → Tiếp nhận tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu.

 **B.** Truyền tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu → Tiếp nhận tín hiệu.

 **C.** Tiếp nhận tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu.

 **D.** Tiếp nhận tín hiệu → Truyền tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu.

**Câu 8.** Bệnh nào sau đây liên quan đến sự thiếu hụt nguyên tố Canxi?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Bệnh bướu cổ. |  **B.** Bệnh tự kỉ. |  **C.** Bệnh cận thị. |  **D.** Bệnh loãng xương. |

**Câu 9.** Hình dưới đây mô tả cách truyền tin nào?



|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Truyền tin cận tiết. |  **B.** Truyền tin nội tiết. |
|  **C.** Truyền tin qua synapse. |  **D.** Truyền tin trực tiếp. |

**Câu 10.** Nguyên tố vi lượng trong cơ thể sống **không** có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Thường tham gia cấu tạo nên enzyme trong tế bào.

 **B.** Chiếm tỉ lệ nhỏ hơn 0,01% khối lượng chất sống của cơ thể.

 **C.** Chỉ cần cho thực vật ở giai đoạn sinh trưởng.

 **D.** Là nguyên tố mà sinh vật chỉ cần một lượng rất nhỏ.

**Câu 11.** Sinh học là môn học nghiên cứu về

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** thực vật |  **B.** sự sống |  **C.** con người |  **D.** động vật |

**Câu 12.** Loại tế bào nào sau đây có nhiều lysosome nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Tế bào cơ |  **B.** Tế bào hồng cầu |  **C.** Tế bào bạch cầu |  **D.** Tế bào thần kinh |

**Câu 13.** “Tổ chức sống cấp thấp hơn làm nền tảng để xây dựng nên tổ chức sống cấp cao hơn” giải thích cho nguyên tắc nào của thế giới sống?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Nguyên tắc thứ bậc. |  **B.** Nguyên tắc bổ sung |
|  **C.** Nguyên tắc tự điều chỉnh. |  **D.** Nguyên tắc mở. |

**Câu 14.** Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Cấu trúc tế bào phức tạp. |  **B.** Có nhiều bào quan . |
|  **C.** Đã có nhân hoàn chỉnh. |  **D.** Kích thước nhỏ. |

**Câu 15.** Nucleotide nào sau đây không phải là đơn phân của DNA?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** U |  **B.** X |  **C.** G |  **D.** A |

**Câu 16.** Ý nào sau đây là đúng khi nói về lipid?

 **A.** Chỉ có chức năng cung cấp và dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể.

 **B.** Đều có đặc tính chung là kị nước (không tan trong nước).

 **C.** Được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

 **D.** Đều có cấu trúc lưỡng cực với một đầu ưa nước và đuôi acid béo kị nước.

**Câu 17.** Ơstrogen là hoocmon sinh dục có bản chất lipid. Loại lipid cấu tạo nên hoocmon này là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** mỡ động vật |  **B.** steroid |  **C.** phospholipid |  **D.** dầu thực vật |

**Câu 18.** Loại bào quan nào sau đây tham gia vào quá trình tổng hợp protein?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lysosome. |  **B.** Thể Golgi. |  **C.** Ribosome. |  **D.** Peroxisome. |

**Câu 19.** Điểm khác biệt của vận chuyển thụ động so với vận chuyển chủ động là

 **A.** không cần tiêu tốn năng lượng.

 **B.** luôn cần có các kênh protein vận chuyển.

 **C.** không cần có các kênh protein vận chuyển.

 **D.** luôn cần có các bơm đặc biệt trên màng.

**Câu 20.** Thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều lipid cho cơ thể ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Thịt bò. |  **B.** Trái cây. |  **C.** Khoai lang. |  **D.** Mỡ động vật. |

**Câu 21.** Loại đường cấu tạo nên vỏ tôm, cua được gọi là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Fructose |  **B.** Glucose |  **C.** Sucrose |  **D.** Chitin |

**II. TỰ LUẬN:** 3 điểm

**Câu 1.**( 1điểm). Có ảnh chụp của 4 loại tế bào, trong đó có 1 tế bào gan bò, 1 tế bào lá đậu và 2 tế bào vi khuẩn Bacilulus subtilis. Nếu chỉ có các ghi chú sau đây từ các hình. Em có phát hiện ra ảnh nào thuộc đối tượng nào ?

Hình 1: Thành tế bào, màng sinh chất và riboxom

Hình 2. Lục lạp, thành tế bào và màng sinh chất.

Hình 3: Màng sinh chất và riboxom

Hình 4: Các vi ống và bộ máy gôngi

**Câu 2**. (1điểm). Vì sao những người uống nhiều rượu dễ mắc các bệnh về gan?

**Câu 3**.(1điểm). Một tế bào động vật có nồng độ saccarose 0,03M. Đưa tế bào này vào cốc chứa dung dịch 0,025M saccarose. Hiện tượng gì sẽ xãy ra? Vì sao?

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM**Trường THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN***(Đề thi có 2 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2023 - 2024MÔN: SINH HỌC 10***Thời gian làm bài: 45(không kể thời gian phát đề)* |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | **Mã đề 102** |

**I. TRẮC NGHIỆM**: 7 ĐIỂM

**Câu 1.** Bệnh nào sau đây liên quan đến sự thiếu hụt nguyên tố Canxi?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Bệnh bướu cổ. |  **B.** Bệnh cận thị. |  **C.** Bệnh tự kỉ. |  **D.** Bệnh loãng xương. |

**Câu 2.** “Tổ chức sống cấp thấp hơn làm nền tảng để xây dựng nên tổ chức sống cấp cao hơn” giải thích cho nguyên tắc nào của thế giới sống?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Nguyên tắc tự điều chỉnh. |  **B.** Nguyên tắc thứ bậc. |
|  **C.** Nguyên tắc bổ sung |  **D.** Nguyên tắc mở. |

**Câu 3.** Loại đường cấu tạo nên vỏ tôm, cua được gọi là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Fructose |  **B.** Chitin |  **C.** Sucrose |  **D.** Glucose |

**Câu 4.** Thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều lipid cho cơ thể ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Khoai lang. |  **B.** Thịt bò. |  **C.** Trái cây. |  **D.** Mỡ động vật. |

**Câu 5.** Thành phần nào dưới đây có ở tế bào vi khuẩn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lưới nội chất. |  **B.** Ribosome. |  **C.** Ti thể. |  **D.** Nhân. |

**Câu 6.** Trình tự các giai đoạn trong con đường truyền tin trong tế bào là?

 **A.** Tiếp nhận tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu.

 **B.** Truyền tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu → Tiếp nhận tín hiệu.

 **C.** Tiếp nhận tín hiệu → Truyền tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu.

 **D.** Truyền tín hiệu → Tiếp nhận tín hiệu → Đáp ứng tín hiệu.

**Câu 7.** Hai thành phần chính cấu tạo nên màng sinh chất của tế bào nhân thực là

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** carbohydrate và phospholipid. |  **B.** phospholipid và protein. |
|  **C.** phospholipid và carbohydrate. |  **D.** protein và nucleic acid. |

**Câu 8.** Điểm khác biệt của vận chuyển thụ động so với vận chuyển chủ động là

 **A.** không cần tiêu tốn năng lượng.

 **B.** luôn cần có các bơm đặc biệt trên màng.

 **C.** luôn cần có các kênh protein vận chuyển.

 **D.** không cần có các kênh protein vận chuyển.

**Câu 9.** Ý nào sau đây là đúng khi nói về lipid?

 **A.** Đều có đặc tính chung là kị nước (không tan trong nước).

 **B.** Chỉ có chức năng cung cấp và dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể.

 **C.** Được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

 **D.** Đều có cấu trúc lưỡng cực với một đầu ưa nước và đuôi acid béo kị nước.

**Câu 10.** Các chất được vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao và tiêu tốn năng lượng thuộc kiểu vận chuyển nào sau đây ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Vận chuyển chủ động. |  **B.** Khuếch tán đơn giản. |
|  **C.** Khuếch tán tăng cường. |  **D.** Vận chuyển thụ động. |

**Câu 11.** Chất O2, CO2 đi qua màng tế bào bằng phương thức nào sau đây?

 **A.** Nhờ sự biến dạng của màng tế bào.

 **B.** Khuếch tán qua kênh protein xuyên màng.

 **C.** Khuếch tán qua lớp kép phospholipid.

 **D.** Nhờ kênh protein đặc biệt.

**Câu 12.** Carbohydrate được chia làm mấy nhóm?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 3 |  **B.** 4 |  **C.** 2 |  **D.** 1 |

**Câu 13.** Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Có nhiều bào quan . |  **B.** Kích thước nhỏ. |
|  **C.** Đã có nhân hoàn chỉnh. |  **D.** Cấu trúc tế bào phức tạp. |

**Câu 14.** Loại tế bào nào sau đây có nhiều lysosome nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Tế bào cơ |  **B.** Tế bào hồng cầu |  **C.** Tế bào thần kinh |  **D.** Tế bào bạch cầu |

**Câu 15.** Nhận định nào sau đây **không** đúng khi nói về protein?

 **A.** Cấu trúc bậc 2 của phân tử protein là chuỗi polipeptit ở dạng co xoắn hoặc gấp nếp

 **B.** Đơn phân của protein là các nucleotide

 **C.** Khi cấu trúc không gian ba chiều bị phá vỡ, phân tử protein không thực hiện được chức năng sinh học

 **D.** Cấu tạo nên một số loại hoocmon

**Câu 16.** Nguyên tố vi lượng trong cơ thể sống **không** có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Thường tham gia cấu tạo nên enzyme trong tế bào.

 **B.** Chiếm tỉ lệ nhỏ hơn 0,01% khối lượng chất sống của cơ thể.

 **C.** Là nguyên tố mà sinh vật chỉ cần một lượng rất nhỏ.

 **D.** Chỉ cần cho thực vật ở giai đoạn sinh trưởng.

**Câu 17.** Ơstrogen là hoocmon sinh dục có bản chất lipid. Loại lipid cấu tạo nên hoocmon này là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** phospholipid |  **B.** steroid |  **C.** dầu thực vật |  **D.** mỡ động vật |

**Câu 18.** Sinh học là môn học nghiên cứu về

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** thực vật |  **B.** con người |  **C.** sự sống |  **D.** động vật |

**Câu 19.** Nucleotide nào sau đây không phải là đơn phân của DNA?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** G |  **B.** U |  **C.** X |  **D.** A |

**Câu 20.** Loại bào quan nào sau đây tham gia vào quá trình tổng hợp protein?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Lysosome. |  **B.** Ribosome. |  **C.** Thể Golgi. |  **D.** Peroxisome. |

**Câu 21.** Hình dưới đây mô tả cách truyền tin nào?



|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Truyền tin nội tiết. |  **B.** Truyền tin cận tiết. |
|  **C.** Truyền tin trực tiếp. |  **D.** Truyền tin qua synapse. |

**II. TỰ LUẬN:** 3 ĐIỂM

**Câu 1**.(1 điểm). Có ảnh chụp của 4 loại tế bào, trong đó có 1 tế bào cơ tim của ếch, 1 tế bào rễ đậu và 2 tế bào vi khuẩn E.coli. Nếu chỉ có các ghi chú sau đây từ các hình. Em có phát hiện ra ảnh nào thuộc đối tượng nào?

Hình 1: Ti thể, màng sinh chất và riboxom

Hình 2. Thành tế bào và màng sinh chất.

Hình 3: Màng sinh chất và riboxom

Hình 4: Thành tế bào, các vi ống và bộ máy gôngi

**Câu 2.** (1 điểm). Vì sao những người nghiện thuốc lá thường hay viêm đường hô hấp và viêm phổi?

**Câu 3**.(1 điểm). Một tế bào động vật có nồng độ saccarose 0,03M. Đưa tế bào này vào cốc chứa dung dịch 0,035M saccarose. Hiện tượng gì sẽ xãy ra? Vì sao?

**ĐÁP ÁN THI KÌ I SINH 10 – NĂM 2023**

**I.TRắc nghiệm:**

**Mã đề 101**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
| **ĐA** | **B** | **D** | **A** | **B** | **D** | **A** | **D** | **D** | **A** | **C** | **B** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** |
| **ĐA** | **C** | **A** | **D** | **A** | **B** | **B** | **C** | **A** | **D** | **D** |

**Mã đề 102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
| **ĐA** | **B** | **D** | **D** | **B** | **B** | **C** | **B** | **A** | **A** | **A** | **C** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** |
| **ĐA** | **A** | **B** | **D** | **B** | **D** | **B** | **C** | **B** | **B** | **B** |

**II. Tự luận**

**Mã đề 102, 104,106,108**

**Câu 1**. Mỗi hình đúng + 0,25đ

- Hình 1: TB cơ tim của ếch

- Hình 2, hình 3: TB Vi khuẩn E.coli

- Hình 4: TB rễ đậu

**Câu 2.**

- Lông rung của các tế bào niêm mạc đường hô hấp có vai trò quan trọng trong việc làm sạch không khí khi đi vào đường hô hấp (cản bụi, cản vi khuẩn,…). Khi hút thuốc lá thường xuyên, khói thuốc lá có thể làm liệt các lông rung của các tế bào niêm mạc đường hô hấp. Điều đó làm cho việc làm sạch không khí ở trong đường hô hấp bị hạn chế dẫn đến các bệnh lí viêm đường hô hấp, viêm phổi :+ 0,5đ

- Ngoài ra, do ảnh hưởng của các chất độc hại có trong khói thuốc lá. Những người nghiện thuốc lá, lượng khói thuốc lá đi vào phổi rất nhiều, lâu dần tích tụ ở phổi làm tổn thương phổi, phá hủy tế bào phổi nên hay bị viêm đường hô hấp và viêm phổi : + 0,5đ

**Câu 3.**

- Hiện tượng: Tế bào co lại.:+ 0,5đ

- Giải thích: Vì nồng độ saccarose bên ngoài môi trường cao hơn trong tế bào( đây là môi trường ưu trương) nên saccarose khuếch tán vào trong tế bào và đồng thời tế bào bị mất nước nên co lại: +0.5đ

***(Nếu HS giải thích do nồng độ saccarose bên ngoài môi trường cao hơn trong tế bào nên nước trong tế bào thẩm thấu ra ngoài vẫn cho điểm tối đa)***

**Mã đề 101, 103,105,107**

**Câu 1**. Mỗi hình đúng + 0,25đ

- Hình 1, hình 3: TB vi khuẩn

- Hình 2: TB lá đậu

- Hình 4: TB gan bò

**Câu 2.**

- Các tế bào gan có lưới nội chất trơn phát triển chứa các enzyme tham gia vào khử độc các chất như rượu và nhiều loại hóa chất độc hại khác. Người uống nhiều rượu, khiến các tế bào gan phải làm việc liên tục, không kịp hồi phục và tái tạo tế bào mới dẫn đến ảnh hưởng chứng năng gan: +0.5đ

- Rượu bia chứa nhiều các chất độc mà gan là cơ quan đào thải độc tố chính của cơ thể, khi chất độc quá nhiều đi vào gan, gan không kịp đào thải sẽ được tích tụ lại ở gan. Khi quá trình tích tụ lâu, các chất độc sẽ hủy hoại các tế bào gan dẫn đến mắc các bệnh về gan +0.5đ

**Câu 3.**

- Hiện tượng: Tế bào trương phồng lên và có thể bị vỡ.:+ 0,5đ

- Giải thích: Vì nồng độ saccarose bên ngoài môi trường thấp hơn trong tế bào( đây là môi trường nhược trương) nên saccarose sẽ khuếch tán vào ra bên ngoài và đồng thời tế bào bị hút nước nên trương phồng lên và tế bào động vật do không có thành nên có thể bị vỡ: +0.5đ

***(Nếu HS giải thích do nồng độ saccarose bên ngoài môi trường thấp hơn trong tế bào nên tế bào hút nước dẫn đến trương lên và do tế bào động vật không có thành nên vỡ vẫn cho điểm tối đa)***